

TÁC ĐỘNG CỦA KHỦNG HOẢNG KINH TẾ MỸ ĐỐI VỚI VIỆT NAM VÀ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC

*Nguyễn Ngọc Thanh**

*Phạm Thị Thanh Bình***

Do nền kinh tế Mỹ là nền kinh tế lớn, chiếm tới 30% tổng sản lượng, chu chuyển vốn thị trường thế giới và trong bối cảnh hội nhập thì mọi quốc gia ít nhiều đều bị ảnh hưởng, đặc biệt là nền kinh tế tăng trưởng nhanh như Việt Nam. Bài viết phân tích tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế Mỹ tới nền kinh tế Việt Nam, các giải pháp khắc phục khủng hoảng của chính phủ và đánh giá triển vọng năm 2009.

1. Tác động của khủng hoảng kinh tế Mỹ tới kinh tế Việt Nam

Nguyên nhân của cuộc khủng hoảng kinh tế Mỹ bắt nguồn từ chính sách cho vay tín dụng dưới chuẩn (subprime) hay còn gọi là tín dụng thế chấp rủi ro cao đối với thị trường bất động sản. Việc duy trì “đồng đô la rẻ” trong thời gian dài mà thiếu cơ chế giám sát chặt chẽ của chính

phủ đã dẫn đến sự hình thành “siêu bong bóng” tài chính và bất động sản. Sự phát triển của nhiều dịch vụ tài chính mới trong lĩnh vực tài chính- ngân hàng đã biến đổi các khoản cho vay thành công cụ đầu tư, khiến thị trường tín dụng phục vụ cho thị trường bất động sản trở thành sân chơi cho nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước. Trong điều kiện không có sự kiểm soát chặt chẽ của nhà nước, quá trình này đã tích tụ, dẫn đến châm ngòi nổ cho sự đổ vỡ thị trường tín dụng nhà đất, sau đó lây lan sang hệ thống tài chính ngân hàng Mỹ. Sự phá sản của hai tập đoàn Fannie Mae và Freddie Mac cùng các ngân hàng lớn như Lehman Brothers, City Bank Group... đã châm ngòi cho khủng hoảng toàn bộ hệ thống tài chính-kinh tế Mỹ. Trong thời đại toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, các ngân hàng toàn cầu có mối quan hệ đan xen nhau. Vì vậy, khủng hoảng kinh tế Mỹ nhanh chóng tác động sang các nước khác như hiệu ứng đô-mi-nô,

* Tiến sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội

** Tiến sĩ, Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới

đặc biệt tới các quốc gia có mối quan hệ kinh tế - thương mại chặt chẽ với Mỹ. Việt Nam không nằm ngoài vòng xoáy tác động của khủng hoảng. Mặc dù tác động trực tiếp đối với nền kinh tế Việt Nam không lớn vì chưa có định chế tài chính nào của Việt Nam đầu tư vào trái phiếu và các hợp đồng cho vay cầm cố ở Mỹ, nhưng tác động gián tiếp lại khá mạnh. Tăng trưởng kinh tế của Việt Nam năm 2008 chỉ đạt 6,23%, giảm đáng kể so với mức 8,5% của năm 2007. Những tín hiệu tích cực của các doanh nghiệp sản xuất cũng giảm từ 87% (2008) xuống còn 32% (1/2009). Khủng hoảng kinh tế Mỹ tác động đến Việt Nam qua những kênh chính sau:

Thứ nhất, thâm hụt thương mại gia tăng do xuất khẩu giảm.

Việt Nam là nền kinh tế mở với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu vượt hơn 160% GDP. Xuất khẩu chiếm tới 65-68% GDP. Khủng hoảng kinh tế Mỹ, chính sách thắt chặt tiền tệ của Mỹ và biến động tỉ giá trở thành gánh nặng ảnh hưởng tiêu cực đến xuất khẩu của Việt Nam. Hoạt động xuất khẩu của Việt Nam bị ảnh hưởng trên các khía cạnh như: nhu cầu thị trường giảm, doanh nghiệp Việt Nam gặp khó khăn trong việc tìm kiếm khách hàng, chính sách bảo hộ của các thị trường quan trọng như Mỹ, EU, Nhật Bản.... Sự biến động của tỉ giá EUR/USD cũng gây bất lợi cho xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường châu Âu.

Mỹ là thị trường nhập khẩu quan trọng các mặt hàng dệt may, da giày, thủy sản của Việt Nam. Khủng hoảng kinh tế Mỹ làm cho xuất khẩu của Việt Nam vào Mỹ giảm vì 2 lý do: *Một là*, xuất khẩu của Việt Nam phần lớn vẫn là các mặt hàng thô, trong khi giá các nguyên liệu thô trên thị

trường thế giới đang giảm (kể cả khi không có cuộc khủng hoảng ở Mỹ); *Hai là*, sự eo hẹp của thị trường tài chính (do khủng hoảng) dẫn đến eo hẹp thị trường nhập khẩu hàng hóa. Việc thanh toán của nhà nhập khẩu khó khăn do ngân hàng các nước thắt chặt việc cho vay. Mỹ là nền kinh tế có mức tiêu dùng rất lớn. Khi người tiêu dùng Mỹ thắt chặt hầu bao thì các nền kinh tế dựa chủ yếu vào nguồn lợi xuất khẩu chắc chắn sẽ gặp khó khăn. Do nhu cầu của người tiêu dùng tại Mỹ và các nước phát triển khác đều giảm nên các doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu của Việt Nam sẽ co lại do gặp khó khăn về vốn và đầu ra (50% hàng xuất khẩu của Việt Nam là sang các nước châu Âu, châu Mỹ và Nhật Bản). Xuất khẩu của Việt Nam đã giảm từ 6,5 tỉ USD (tháng 7/2008) xuống còn 5,1 tỉ USD (tháng 10/2008). Mức tăng xuất khẩu cũng giảm 4,8% (11/2008). Trong đó, xuất khẩu nông sản giảm mạnh nhất do Mỹ là thị trường tiêu thụ nhiều nhất các sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam.

Thứ hai, nhập khẩu giảm do sản xuất và tiêu dùng trong nước ít đi

Việt Nam nhập khẩu tới 70-80% nguyên liệu để làm hàng xuất khẩu. Do xuất khẩu giảm dẫn đến giá nhập khẩu các nguyên liệu cũng giảm do nhu cầu trong nước ít đi. Kim ngạch nhập khẩu giảm 7,1% (11/2008); 27,6% (1/2009) và giảm 44,8% so với cùng kỳ năm trước – giảm mạnh hơn xuất khẩu (24,2%). Sự sụt giảm diễn ra ở cả khu vực trong nước (giảm 46,4%) và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (giảm 41,1%). Do nhập khẩu giảm mạnh hơn xuất khẩu, nên tỉ lệ nhập siêu chỉ ở mức 7,9% (1/2009), thấp xa so với tỉ lệ 48,3% cùng kỳ năm trước.

Thứ ba, đầu tư nước ngoài giảm do các nhà đầu tư nước ngoài gặp khó khăn trong huy động vốn và sản xuất kinh doanh

Khủng hoảng kinh tế toàn cầu làm thay đổi hành vi của các nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường vốn Việt Nam – nơi họ giữ một tỷ lệ không nhỏ giá trị cổ phiếu và trái phiếu (chiếm 20% tổng vốn thị trường chứng khoán Việt Nam). Các nhà đầu tư nước ngoài sẽ thay đổi chiến lược, cơ cấu và danh mục đầu tư, thậm chí họ có thể rút tiền để củng cố lại hoạt động đầu tư trong nước của mình. Các nhà đầu tư cân nhắc rất nhiều đến yếu tố rủi ro khi quyết định đầu tư. Vốn FDI đăng ký ước đạt 200 triệu USD (1/2009), giảm khoảng 87,8% so với cùng kỳ năm trước, lượng vốn bình quân /dự án cũng bị thu hẹp, chỉ còn khoảng 3-4 triệu USD. Tỷ lệ giải ngân cũng chỉ bằng 70% so với cùng kỳ năm trước.

Trong đầu tư trực tiếp nước ngoài, phần nợ vay chiếm tỉ lệ lớn trong tổng vốn đầu tư (khoảng 80% vốn đầu tư vào Việt Nam là đi vay), cho nên khi các tổ chức tài chính gặp khó khăn sẽ làm cho nhiều hợp đồng vay vốn không được ký kết do các nhà đầu tư không huy động đủ vốn để thực hiện các dự án đã cam kết. Do đó, vốn cam kết có thể lớn nhưng vốn thực hiện thì thấp, tình hình giải ngân sẽ gặp khó khăn. Tốc độ giải ngân vốn đầu tư suy giảm do việc sắp xếp lại vốn của các nhà đầu tư nước ngoài trước sự chao đảo của thị trường tài chính thế giới. Nguồn kiều hối từ lao động ở nước ngoài và lao động xuất khẩu sẽ không dồi dào. Lượng kiều hối gửi về nước trung bình 8-10 tỉ USD mỗi năm. Đây là nguồn thu rất quan trọng đối với Việt Nam. Thu nhập từ dịch vụ (du lịch, kinh doanh tài chính tiền tệ và vận tải) cũng sẽ giảm.

Bảng: Tỷ lệ vốn FDI được thực hiện, giai đoạn 2001-2009

Năm thực hiện	Tỷ lệ % được thực hiện
2001 -2005	69
2006	40
2007	38
2008	17
2009*	42

Ghi chú: * Số ước tính

Nguồn: Số liệu từ Cục đầu tư nước ngoài.

Thứ tư, khủng hoảng kinh tế Mỹ tác động bất lợi đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Việt Nam

Do thị trường thế giới co hẹp, hàng sản xuất ứ đọng, doanh nghiệp không thu hồi được vốn. Không có vốn, sẽ không có điều kiện tái đầu tư sản xuất và tất nhiên là không kích thích được sản xuất. Không chỉ khó khăn về vốn, mà vấn đề là sức mua

đang giảm mạnh ở cả thị trường trong nước lẫn thế giới. Sức mua giảm, sản xuất không có đầu ra, nếu không giải quyết vòng luẩn quẩn này thì nền kinh tế sẽ ngày càng lún sâu vào tình cảnh khó khăn, thậm chí bế tắc. Vì vậy, đối với chính phủ Việt Nam vấn đề là phải quản lý kinh tế vĩ mô trước tình trạng suy giảm kinh tế thế giới.



2. Giải pháp khắc phục

Cuộc khủng hoảng kinh tế Mỹ dự báo sẽ còn tác động tới kinh tế Việt Nam trong năm 2009. Vì vậy, để ngăn chặn sự suy giảm và duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế, thì bên cạnh việc đầu tư cho tăng trưởng, chính phủ cần tập trung củng cố các vấn đề nền tảng kinh tế vĩ mô như phát triển hạ tầng cơ sở vật chất, xây dựng đường xá giao thông, y tế, giáo dục... nhằm mục tiêu nâng cao chất lượng tăng trưởng tạo nền tảng cho sự phát triển kinh tế dài hạn. Chú trọng đến hoạt động sản xuất hướng vào người tiêu dùng trong nước thay vì hướng ra xuất khẩu. Nhóm giải pháp chính cần tập trung bao gồm:

Thứ nhất, đẩy mạnh sản xuất kinh doanh và xuất khẩu

Đẩy mạnh sản xuất kinh doanh là giải pháp cơ bản nhất, không chỉ là yêu cầu cấp bách mà còn là nhiệm vụ chủ yếu trong tình hình hiện nay bởi vì muốn tăng trưởng kinh tế thì phải đẩy mạnh sản xuất, phát triển dịch vụ. Mọi giải pháp đều phải tập trung hỗ trợ cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa – nơi tạo ra nhiều việc làm và cũng là khu vực gặp nhiều khó khăn nhất. Ngoài việc hỗ trợ lãi suất ngân hàng, thuế cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ thì vấn đề quan trọng là phải bảo lãnh cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ đầu tư xuất khẩu. Hỗ trợ về vốn cho các doanh nghiệp xuất khẩu, các doanh nghiệp thu mua hàng nông, lâm sản phục vụ xuất khẩu trong bối cảnh giá thế giới giảm mạnh do nhu cầu tạm thời xuống thấp. Thực hiện chính sách điều hành tỉ giá linh hoạt theo hướng có lợi cho xuất khẩu.

Do nhu cầu thị trường nội địa của Việt Nam khá lớn, nên cần phải tăng sức mua

của thị trường trong nước, giảm sự phụ thuộc vào các thị trường bên ngoài. Vì vậy, cần kích thích đầu tư vào hạ tầng sản xuất, chú trọng các hoạt động sản xuất hướng vào người tiêu dùng trong nước thay vì hướng ra xuất khẩu. Đây cũng là hình thức để phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ vì các doanh nghiệp vừa và nhỏ gắn với người tiêu dùng trong nước hơn, các tổng công ty nhà nước chỉ hướng tới xuất khẩu. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư theo các hình thức khác nhau. Xuất khẩu chiếm khoảng 70% GDP của Việt Nam và tạo ra hàng chục triệu việc làm mỗi năm. Xuất khẩu suy giảm đã tác động lớn đến tăng trưởng, đến đời sống và việc làm của người lao động. Vì vậy, cần đẩy mạnh sản xuất hàng hóa, nhất là các mặt hàng xuất khẩu có kim ngạch lớn, có khả năng tăng trưởng cao, có cơ hội phát triển thị trường như các sản phẩm chế biến, dệt may, giày dép, đồ gỗ, sản phẩm nhựa, đồng thời rà soát các mặt hàng có khả năng sản xuất nhưng không hoặc chưa bị hạn chế về thị trường để tranh thủ xuất khẩu. Đa dạng hóa mặt hàng và thị trường xuất khẩu để tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động. Giảm sự phụ thuộc vào thị trường truyền thống và mở thêm các thị trường mới. Kế hoạch cụ thể tăng xuất khẩu vào các thị trường thuộc khu vực mậu dịch tự do ASEAN, ASEAN – Trung Quốc, ASEAN – Hàn Quốc... và các thị trường ít bị ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu. Trong đó, châu Phi và Trung Đông nổi lên là những thị trường xuất khẩu đầy triển vọng trong tương lai.

Thứ hai, khuyến khích hoạt động đầu tư và tiêu dùng

Vốn đầu tư đóng góp chủ lực trong tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Tốc độ tăng vốn đầu tư hàng năm đều lớn hơn tốc độ tăng GDP và tỉ lệ vốn đầu tư/GDP có xu hướng tăng liên tục (xấp xỉ 40%) trong thập kỷ qua. Đây là tỉ lệ đầu tư cao so với các nước trên thế giới. Đầu tư tư nhân - chiếm tới 1/3 tổng vốn đầu tư xã hội, gần bằng 1/2 tổng vốn đầu tư trong nước - cũng đang có xu hướng ngày càng tăng và giữ vai trò rất quan trọng trong phát triển kinh tế. Trong bối cảnh suy giảm động lực phát triển từ bên ngoài, *khuyến khích hoạt động đầu tư và tiêu dùng* có ý nghĩa lớn nhằm tạo động lực tăng trưởng kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội.

Để hoạt động kích cầu đầu tư và tiêu dùng đạt hiệu quả cần chú ý đến những vấn đề chính sau: *Một là*, tập trung kích cầu đầu tư vào các dự án sắp hoàn thành, đưa nhanh vào sử dụng, các dự án có dung lượng và triển vọng thị trường tiêu thụ tốt, các dự án góp phần trực tiếp duy trì và mở rộng năng lực sản xuất, kinh doanh cần thiết của doanh nghiệp và nền kinh tế. Ưu tiên các dự án có khả năng tạo được thị trường tiêu thụ, nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các dự án kết hợp phát triển kinh tế - xã hội - môi trường. *Hai là*, để kích cầu tiêu dùng cần giảm giá hàng tiêu dùng, giảm lãi suất, điều chỉnh tăng lương, giảm thuế thu nhập cá nhân và doanh nghiệp, tăng cho vay tiêu dùng, đồng thời giãn, khoan nợ và tăng hỗ trợ an sinh xã hội. Hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo, người có thu nhập thấp, đồng bào dân tộc thiểu số, các vùng núi khó khăn, thiên tai, bệnh dịch... Đơn giản hóa các thủ tục trợ cấp cho người nghèo.

Trong hoạt động kích cầu đầu tư, cần khuyến khích các thành phần kinh tế,

doanh nghiệp tham gia, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp ngoài quốc doanh đầu tư vào các lĩnh vực như xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông vận tải, kho cảng, sân bay, đường bộ, điện, xi măng... Bên cạnh đó là đầu tư vào nhà ở, đặc biệt là nhà ở cho người thu nhập thấp. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư theo các hình thức khác nhau. Đầu tư vào ngành điện không chỉ theo hình thức BOT mà cả BT. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vào các dự án, kể cả bất động sản. Kích cầu đầu tư đúng thì sẽ kích cầu được tiêu dùng. Giảm thuế, giảm lãi suất, doanh nghiệp sẽ có lợi nhuận nhiều hơn, tiền chi trả cho người lao động sẽ cao hơn. Khi có thu nhập người lao động sẽ chi tiêu. Mục tiêu kích cầu tiêu dùng sẽ đạt được.

Thứ ba, bảo đảm an sinh xã hội và đẩy mạnh xóa đói giảm nghèo

Trước nguy cơ suy giảm tăng trưởng kinh tế, tác động tiêu cực đến việc làm và thu nhập của người lao động thì vấn đề bảo đảm an sinh xã hội và đẩy mạnh xóa đói, giảm nghèo phải được xem là giải pháp cấp bách. Tăng cường dự trữ quốc gia để triển khai thực hiện các chính sách an sinh xã hội đã ban hành như chương trình nhà ở cho người nghèo, nhà ở cho người lao động tại các khu công nghiệp tập trung, nhà ở và tín dụng ưu đãi cho sinh viên...

Thực hiện các giải pháp đầu tư để giảm nghèo nhanh và bền vững cho 61 huyện có tỉ lệ nghèo cao nhất, bảo đảm đến năm 2020 các huyện này sẽ có mức phát triển ngang bằng với trình độ chung của cả nước. Tổ chức triển khai chế độ bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội. Thực hiện tăng thêm dự trữ quốc gia về lương thực để chủ động cứu trợ

cho người dân ở các vùng bị lũ, lụt. Tiếp tục thực hiện trợ cấp khó khăn cho người hưởng lương từ ngân sách nhà nước có đời sống khó khăn thu nhập thấp. Đặc biệt quan tâm bảo đảm y tế, giáo dục, nhất là đối tượng chính sách và các khu vực còn nhiều khó khăn.

Thứ tư, thực hiện chính sách tài chính-tiền tệ tích cực và hiệu quả

Chính sách tài chính tiền tệ chủ yếu tập trung vào những mục tiêu sau: *Một là*, ổn định kinh tế vĩ mô, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh xuất khẩu; *Hai là*, phân phối kinh phí hợp lý, tăng cường chăm lo cho đồng bào nghèo vùng sâu, vùng xa, vùng bị thiên tai; *Ba là*, đổi mới, sắp xếp lại các doanh nghiệp, duy trì và củng cố lại các doanh nghiệp nhà nước; Trong ngắn hạn suy giảm kinh tế hiện nay, sau khi đã tạo ra được mặt bằng lãi suất hợp lý thì chính sách tiền tệ cần tập trung vào giữ ổn định kinh tế vĩ mô, thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt nhưng linh hoạt trong điều hành. Các chính sách tài chính như: chính sách thuế, thu chi ngân sách... phải nhằm khuyến khích phát triển sản xuất, tăng đầu tư cho những dự án có hiệu quả để duy trì tăng trưởng, loại bỏ những dự án chưa thực sự cần thiết, kém hiệu quả. Giải pháp đáp ứng các yêu cầu hỗ trợ sản xuất, giữ vững thị trường nội địa, phát huy lợi thế xuất khẩu, củng cố và thu hút dòng vốn FDI mới.

Tiếp tục hỗ trợ vốn, công nghệ cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp làm ăn hiệu quả vì các doanh nghiệp vừa và nhỏ mới là động lực chính của phát triển nền kinh tế. Trong số gần 350.000 doanh nghiệp ở Việt Nam, có tới 95% là doanh

nghiệp vừa và nhỏ, tạo ra hơn 50% việc làm cho lao động làm việc trong doanh nghiệp nói chung. Với lợi thế tạo được nhiều việc làm và thu nhập, phát triển được ở mọi vùng, miền ngành kinh tế, các doanh nghiệp vừa và nhỏ làm cho nền kinh tế trở nên linh hoạt, dễ thích ứng với những biến động của nền kinh tế toàn cầu.

Tạo điều kiện tiếp cận nguồn vốn tín dụng cho các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh hàng xuất khẩu, doanh nghiệp gặp khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm, thực hiện cơ cấu lại thời hạn vay nợ, giãn nợ vay vốn ngân hàng đối với nông dân bị thiệt hại do thiên tai và các doanh nghiệp gặp khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm. Điều chỉnh linh hoạt tỉ giá ngoại tệ theo hướng khuyến khích xuất khẩu, kiểm soát nhập khẩu, bảo đảm cân cân thanh toán quốc tế không bị thâm hụt.

Là quốc gia phụ thuộc nhiều vào bên ngoài (vốn bên ngoài đổ vào Việt Nam tương đương 30% GDP), kinh tế Việt Nam sẽ còn nhiều biến động trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới. Vì vậy, những giải pháp đối phó phải được thực hiện linh hoạt phù hợp. Việc tập trung vào các nhóm giải pháp trên sẽ tạo ra những cơ hội để tiếp tục phát triển.

Triển vọng

Mục tiêu của Việt Nam là trở thành nước có thu nhập trung bình vào năm 2010 so với mức 833 USD (2007). Trong cuộc khảo sát về chỉ số lòng tin của người tiêu dùng (MasterCard Worldwide Index of Consumer Confidence) năm 2008, Việt Nam đứng đầu với chỉ số lòng tin người tiêu dùng là 88,1 điểm (100 điểm là lạc quan nhất, 0 điểm là bi quan nhất và 50 điểm là bình thường). Trong khi đó, chỉ số



lòng tin người tiêu dùng của Trung Quốc (76,6); Ấn Độ (63,9) và Xingapo (62,3) giảm nhiều so với trước khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Các quốc gia khác ở châu Á – Thái Bình Dương, chỉ số niềm tin tiêu dùng giảm mạnh như Hồng Kông (41,8); Đài Loan (32,1); Indônêsi-a (38,5); Hàn Quốc (31,4); Thái Lan (26,2); Philippin (40,0) và Malaysia (35,9).

Tổ chức giám sát kinh doanh quốc tế BMI (Business Monitor International Ltd) đánh giá Việt Nam vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao trong 10 năm tới, trung bình khoảng 8%/năm. Việt Nam tiếp tục hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài nhờ sự ổn định về chính trị, triển vọng tăng trưởng trung và dài hạn tốt,

dân số đông, lực lượng lao động trẻ, dồi dào và nguồn lực này đã bắt đầu được mở cửa. Đầu tư nước ngoài trong tương lai sẽ tiếp tục tăng và Việt Nam vẫn là điểm đến an toàn của các nhà đầu tư nước ngoài. Năm 2008, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam đã đạt kỷ lục cả về vốn đăng ký, vốn giải ngân và quy mô trung bình một dự án... Khủng hoảng kinh tế Mỹ và kinh tế toàn cầu hiện nay vừa là thách thức vừa là cơ hội để Việt Nam điều chỉnh và cải cách kinh tế trong nước, biến những lợi thế về lòng tin người tiêu dùng, sự ổn định chính trị-xã hội, nguồn nhân lực... thành hiện thực, để tiếp tục đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao trong những năm tới.

Tài liệu tham khảo

1. Anh Thư, *Kinh tế thế giới tác động mạnh đến FDI vào Việt Nam*, Báo Sài gòn giải phóng, số ra ngày 3/2/2009.
2. Bùi Kiến Thành, *Việt Nam có tránh được cơn bão khủng hoảng tài chính Mỹ*, Thời báo kinh tế Việt Nam, số ra ngày 4/10/2008.
3. Thùy Trang, *Kịch bản cho kinh tế Việt Nam 2009*, Thời báo kinh tế Việt Nam số 28 (2008) .
4. Vũ Khoan, *Khủng hoảng tài chính toàn cầu và nền kinh tế nước ta*, Báo Nhân dân ngày 1/11/2008.
5. Võ Đại Lực, *Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu hiện nay và những tác động*, Tạp chí Những vấn đề Kinh tế và Chính trị Thế giới, số 10/2008.